

**HỒ SƠ NHIỆM VỤ KỸ THUẬT
VÀ DỰ TOÁN CHI PHÍ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN**

**DỰ ÁN: CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN TUYẾN PHỐ KĐT SÀI ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN
PHƯỜNG PHÚC LỢI NĂM 2026
THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI**

Người lập: Nguyễn Hoàng Long—Chuyên viên tổ QLDT
Kiểm tra: Hoàng Văn Luận - Tổ trưởng Tổ QLDT ./.

Nơi nhận:

- BGĐ;
- KHVT, TCKT;
- QLDT (04 bản giấy đề t/h);
- Lưu: VT, KTAT.

GIÁM ĐỐC BAN

**PHÓ GIÁM ĐỐC CÔNG TY
Nguyễn Văn Thành**

GIỚI THIỆU NỘI DUNG BIÊN CHẾ HỒ SƠ

Hồ sơ Nhiệm vụ kỹ thuật và Dự toán chi phí giai đoạn chuẩn bị dự án: “Cải tạo lưới điện tuyến phố KĐT Sài Đồng trên địa bàn phường Phúc Lợi năm 2026 thuộc kế hoạch BCĐ 197 UBND TP Hà Nội” được biên chế như sau:

PHẦN I. QUY MÔ ĐẦU TƯ SƠ BỘ VÀ KHÁI TOÁN CHI PHÍ ĐẦU TƯ DỰ ÁN

- I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ
- II. MỤC TIÊU DỰ ÁN
- III. QUY MÔ ĐẦU TƯ SƠ BỘ CỦA DỰ ÁN
- IV. KHÁI TOÁN CHI PHÍ ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN

PHẦN II. NHIỆM VỤ KỸ THUẬT VÀ DỰ TOÁN CHI PHÍ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN

- I. NHIỆM VỤ KỸ THUẬT
- II. DỰ TOÁN CHI PHÍ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN

PHẦN I: QUY MÔ ĐẦU TƯ SƠ BỘ VÀ KHAI TOÁN CHI PHÍ ĐẦU TƯ

I. CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/06/2014; Luật số 62/2020/QH14 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 50/2014/QH13;

Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội;

Luật điện lực số 61/2024/QH15 ban hành ngày 30/11/2024;

Nghị định 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 của Chính phủ, về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Văn bản số 333/CP-CN ngày 13/07/2023 của Chính phủ, về việc đính chính Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/06/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Nghị định 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ, quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/07/2025 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của luật quy hoạch đô thị và nông thôn;

Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ, về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ xây dựng, về việc hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ xây dựng, về việc ban hành định mức xây dựng;

Thông tư 09/2024/TT-BXD ngày 30/08/2024 của Bộ Xây dựng, về việc sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư 12/2024/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021, Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Thông tư 08/2025/TT-BXD ngày 30/05/2025 của Bộ Xây dựng, về việc sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 ngày 31/08/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Thông tư 02/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 Quy định về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Thông tư 05/2025/TT-BCT ngày 01/02/2025 Quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng;

Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 09/12/2017 về việc phê duyệt hợp phần II: Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung áp sau các trạm 110kV của Quy hoạch phát triển điện lực Thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035”;

Quyết định số 1100/QĐ-EVN ngày 25/07/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Bộ quy trình quản lý chất lượng nội bộ Ban QLDA và Bộ quy trình quản lý chất lượng dự án đầu tư xây dựng khối lưới điện phân phối;

Căn cứ văn bản 7734/EVNHA NOI-QLDTU ngày 8/11/2022 về hướng dẫn tạm thời quy trình thẩm tra, trình duyệt Nhiệm vụ kỹ thuật và dự toán công tác lập quy hoạch, BCNCKT, BCKTKT trong Tổng công ty.

Quyết định số 789/QĐ-EVN ngày 10/6/2025 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Quy định về công tác Đầu tư xây dựng trong Tập đoàn Điện lực Việt Nam;

Quyết định số 88/QĐ-EVNHA NOI ngày 03/01/2024 của Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội về việc phê duyệt sửa đổi đề án Định hướng công tác quản lý kỹ thuật giai đoạn 2021 – 2025, tầm nhìn đến 2030 (sửa đổi lần 1);

Quyết định số 45/QĐ-HĐTV ngày 27/03/2025 của Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội về việc ban hành Đề án: “Chuẩn hóa lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35kV trong Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội”;

Quyết định số 4892/QĐ-EVNHA NOI ngày 31/5/2025 của Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội về việc ban hành Quy định trình tự thực hiện công tác thẩm định các dự án Đầu tư xây dựng trong Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội;

Quyết định số 4893/QĐ-EVNHA NOI ngày 31/5/2025 của Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội về việc ban hành Quy trình xây dựng đơn giá trong Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội;

Quyết định số 8848/QĐ-EVNHA NOI ngày 10/9/2025 của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc ban hành “Quy định về công tác khảo sát, thiết kế dự án lưới điện cấp điện áp đến 220kV trong Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội”.

Quyết định số 10699/QĐ-EVNHA NOI ngày 05/11/2025 của Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội về việc ban hành Quy định về công tác đầu tư xây dựng trong Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội”;

Quyết định 4442/QĐ-PCGIALAM ngày 12/12/2025 về việc kiện toàn Ban Quản lý dự án kiêm nhiệm tại Công ty Điện lực Gia Lâm theo văn bản số 10848/EVNHA NOI-TCNS ngày 10/11/2025 của Công ty Điện lực Gia Lâm;

Quyết định số 1651/QĐ-EVNHA NOI ngày 23/02/2026 của Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội về việc giao bổ sung kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2026 cho Công ty Điện lực Gia Lâm (BCĐ 197 giai đoạn 2).

II. MỤC TIÊU DỰ ÁN

- Giảm nguy cơ vi phạm hành lang an toàn lưới điện, nguy cơ cháy nổ, giảm suất sự cố đồng thời để đảm bảo mỹ quan đô thị.
- Đảm bảo tính ổn định, cung cấp điện an toàn liên tục.
- Giảm tổn thất điện năng.

- Nâng cao hiệu quả kinh doanh bán điện..

III. QUY MÔ ĐẦU TƯ SƠ BỘ CỦA DỰ ÁN

III.1. Khối lượng thiết bị, vật tư chính dự kiến của dự án

STT	Tên hạng mục	Đơn vị	Khối lượng	Chủng loại quy cách
A	Thiết bị			
1	Tủ Pillar 600V-400A	Tủ	45	600V-400A (1x400A+2x250A)
B	Vật liệu chính			
1	Cáp hạ áp-AL-4x240mm ² -giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE	mét	4891	0,6/1(1,2)kV- Al/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x240mm ²
2	Cáp hạ áp-Cu-2x16mm ² - giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE	mét	3762	0,6/1(1,2)kV- Cu/XLPE/PVC-2x16mm ²
3	Cáp hạ áp-Cu-4x25mm ² - giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE	mét	2121	0,6/1(1,2)kV- Cu/XLPE/PVC/DSTA/PVC-4x25mm ²

IV. KHÁI TOÁN CHI PHÍ ĐẦU TƯ CỦA DỰ ÁN

1. Cơ sở lập khái toán chi phí đầu tư

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
- Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ về việc quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17/6/2025 của Quốc hội;
- Nghị định 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công..
- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành định mức xây dựng.
- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình.
- Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.

- Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.
- Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021, Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.
- Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.
- Thông tư số 36/2022/TT-BCT ngày 22/12/2022 của Bộ Công thương ban hành Bộ định mức dự toán chuyên ngành lắp đặt đường dây tải điện và lắp đặt trạm biến áp.
- Thông tư số 05/2023/TT-BCT ngày 16/03/2023 của Bộ Công thương ban hành Bộ định mức dự toán chuyên ngành thí nghiệm điện đường dây và trạm biến áp.
- Quyết định số 203/QĐ-EVN ngày 27/10/2020 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Bộ định mức dự toán sửa chữa công trình lưới điện.
- Quyết định số 50/QĐ-HĐTV ngày 18/04/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành suất vốn đầu tư xây dựng năm 2022;
- Quyết định số 1100/QĐ-EVN ngày 25/07/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Bộ quy trình quản lý chất lượng nội bộ Ban QLDA và Bộ quy trình quản lý chất lượng dự án đầu tư xây dựng khối lưới điện phân phối;
- Văn bản số 1445/EVNHANOI-QLDTU ngày 14/02/2025 của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc thực hiện các Quyết định của Sở xây dựng Hà Nội công bố đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn Thành phố Hà Nội;
- Thông báo số 3888/TB-EVNHANOI ngày 07/05/2025 của Tổng Công ty Điện lực TP Hà Nội về việc xin giá vật tư thiết bị từ các nguồn thông tin giá;
- Quyết định số 3461/QĐ-SXD ngày 22/12/2025 của Sở xây dựng Hà Nội về việc công bố giá nhân công xây dựng trên địa bàn TP Hà Nội.
- Văn bản số 02.04/2025/CBGVL-SXD ngày 15/12/2025 của Sở Xây dựng Hà Nội công bố giá một số vật liệu xây dựng quý IV năm 2025.
- Giá vật tư thiết bị tham khảo theo Báo giá của các nhà cung cấp vật tư thiết bị tại thời điểm lập dự toán;
- Khối lượng đầu tư sơ bộ được xác định từ Mục III nêu trên.

2. Nguyên tắc xác định khái toán

Lập khái toán chi phí đầu tư xây dựng dự án trên cơ sở vận dụng phương pháp xác định sơ bộ TMDT theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 4 Nghị định số 10/2021/NĐ-CP và phương pháp hướng dẫn tại mục I Phụ lục I.TT11/2021/TT-BXD. Cụ thể:

+ Sơ bộ tổng mức đầu tư xây dựng là ước tính chi phí đầu tư xây dựng của dự án gồm: chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư (nếu có); chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí quản lý dự án; chi phí tư vấn đầu tư xây dựng; chi phí khác; chi phí dự phòng.

+ Sơ bộ chi phí xây dựng và chi phí thiết bị được ước tính trên cơ sở quy mô, công

suất hoặc năng lực phục vụ theo phương án thiết kế sơ bộ của dự án và suất vốn đầu tư số 50/QĐ-EVN ngày 18/04/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành suất vốn đầu tư xây dựng công trình lưới điện phân phối cấp điện áp đến 35kV.

+ Đối với một số VTTB không có trong suất vốn đầu tư sử dụng cơ sở giá vật tư thiết bị đã được phê duyệt tại các công trình đầu tư xây dựng có tính chất tương tự.

+ Việc xác định chi phí xây dựng và thiết bị trong khái toán chi phí đầu tư của dự án như trên để phục vụ cho công tác xác định các khoản mục chi phí tính theo tỷ lệ % của chi phí xây dựng và thiết bị. Các chi phí tư vấn và các chi phí khác: được xác định và tính toán theo Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây Dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng.

3. Khái toán chi phí đầu tư: 18.780.000.000 đồng

Bằng chữ: Mười tám tỷ, bảy trăm tám mươi triệu đồng. (Chi tiết phụ kèm theo)

Phụ lục I:

TỔNG HỢP KHÁI TOÁN CHI PHÍ ĐẦU TƯ
Dự án: CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN TUYẾN PHỔ KẾT SÀI ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN
PHƯỜNG PHÚC LỢI NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCD 197 UBND TP HÀ
NỘI”

Địa điểm xây dựng: Phường Phúc Lợi - TP Hà Nội

Đơn vị tính: đồng

ST T	Nội dung chi phí	Giá trị trước thuế	Thuế GTGT 8%	Giá trị sau thuế	Ký hiệu
1	Chi phí BT-HT-TĐC				GPMB
2	Chi phí xây dựng	10,481,713,528	838,537,082	11,320,250,610	G ^{SB} XD
3	Chi phí thiết bị	2,840,000,000	227,200,000	3,067,200,000	G ^{SB} TB
4	Chi phí quản lý dự án	360,005,986		360,005,986	G ^{SB} QLDA
5	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	759,923,120	60,793,850	820,716,970	G ^{SB} TV
6	Chi phí khác	2,145,871,036	171,669,684	2,317,540,720	G ^{SB} K
7	Chi phí dự phòng 5%*(1+2+...+6)	829,375,683	64,910,031	894,285,714	G ^{SB} DP
	Tổng cộng (1+....7)	17,416,889,353	1,363,110,647	18,780,000,000	V_{SB}

Ghi chú : Khái toán đầu tư được tính toán trong nhiệm vụ kỹ thuật là tạm tính trên cơ sở suất vốn đầu tư với phương án tuyến là giả định. Các nội dung chi phí sẽ được chuẩn xác ở bước tiếp theo (khảo sát, Báo cáo KTKT, thiết kế công trình.. theo quy định về quản lý dự án và quản lý chi phí).

PHẦN II: NHIỆM VỤ KỸ THUẬT VÀ DỰ TOÁN CHI PHÍ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN

I. NHIỆM VỤ KỸ THUẬT

1. Cơ sở lập nhiệm vụ kỹ thuật

- Quyết định số 711/QĐ-UBND ngày 09/12/2017 về việc phê duyệt hợp phần II: Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung áp sau các trạm 110kV của Quy hoạch phát triển điện lực Thành phố Hà Nội giai đoạn 2016-2025, có xét đến năm 2035;

- Kế hoạch số 332/KH-UBND ngày 10/12/2025 của UBND Thành phố về “Giải quyết các điểm nghẽn về “Trật tự đô thị” và xây dựng các xã, phường bảo đảm trật tự, kỷ cương, văn minh đô thị trên địa bàn thành phố Hà Nội”, và văn bản số 11/BCĐ197 - CAHN ngày 17/12/2025 của Ban Chỉ đạo 197 Thành phố về việc đơn đốc triển khai Kế hoạch số 332/KH-UBND ngày 10/12/2025 của UBND Thành phố.

- Quyết định số 1651/QĐ-EVNHANOI ngày 23/02/2026 của Tổng công ty Điện lực TP Hà Nội về việc giao bổ sung kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2026 cho Công ty Điện lực Gia Lâm (BCĐ 197 giai đoạn 2).

2. Nội dung của nhiệm vụ kỹ thuật

2.1. Dự án:

CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN TUYẾN PHỐ KĐT SÀI ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG
PHÚC LỢI NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI

2.1. Quy mô công suất:

- Tủ pillar 600V-400A: 45 tủ
- Cáp hạ áp-AL-4x240mm²-giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE: 4891 mét
- Cáp hạ áp-Cu-2x16mm²- giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE: 3762 mét
- Cáp hạ áp-Cu-4x25mm²- giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE: 2121 mét

2.5. Giải pháp công nghệ chính

2.5.1. Hạ ngầm tuyến ĐDK hạ áp sau TBA KĐT Sài Đồng 3.

2.5.1.1. Hiện trạng

- Công suất TBA: 2x1250kVA/22/0,4kV.
- Kiểu trạm: Trạm xây
- Vị trí TBA: TBA đặt trên vỉa hè phố Mạc Thúy Nga trong khu đô thị Sài Đồng.
- Số lộ cáp xuất tuyến hạ thế: 15 lộ (10 lộ cáp ngầm hạ áp Cu-4x240mm², 01 lộ cáp ngầm hạ áp Cu-4x150mm², 02 lộ cáp vắn xoắn hạ áp 4x120mm² và 02 lộ cáp vắn xoắn hạ áp 4x95mm²). Các lộ sử dụng cáp vắn xoắn hiện trạng đang đi trên vỉa hè phố Mạc Thúy Nga.

2.5.1.2 Phương án cải tạo:

- Lắp đặt mới Tủ pillar 600V-400A: 13 tủ.
- Xây dựng mới 05 lộ xuất tuyến cáp ngầm hạ thế, sử dụng Cáp hạ áp-AL-4x240mm²-giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE, chiều dài khoảng 1909m.
- Xây dựng mới Cáp hạ áp-CU-2x16mm²-giáp kim loại dải băng kép, cách điện

XLPE từ các tủ Pillar đến các hộ dân (đối với công tơ 1 pha), chiều dài khoảng 1717m.

- Xây dựng mới Cáp hạ áp-CU-4x25mm²-giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE từ các tủ Pillar đến các hộ dân (đối với công tơ 3 pha), chiều dài khoảng 1010m.

- Thu hồi các vật tư về kho theo quy định.

* Cụ thể:

- Lộ xuất tuyến 01, 02: Cáp điện cho tòa chung cư N08A.
- + Lắp đặt mới Tủ pillar 600V-400A: 01 tủ.
- + Từ tủ hạ thế đến tủ Pillar (1.2).1, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 150m.
- Lộ xuất tuyến 03: Cáp điện dây N08 khu đô thị Sài Đồng.
- + Lắp đặt mới Tủ pillar 600V-400A: 04 tủ.
- + Từ tủ hạ thế đến tủ Pillar 3.1, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm² dài khoảng 100m.
- + Từ tủ pillar 3.1 đến tủ 3.2, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 67m.
- + Từ tủ pillar 3.2 đến tủ 3.3, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 76m.
- + Từ tủ pillar 3.1.1 đến tủ (1.2).1, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm² tạo mạch vòng lộ 1 và lộ 3, dài khoảng 60m.
- Lộ xuất tuyến 04: Cáp điện dây N09 khu đô thị Sài Đồng
- + Lắp đặt mới Tủ pillar 600V-400A: 04 tủ.
- + Từ tủ hạ thế đến tủ Pillar 4.1, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm² dài khoảng 260m.
- + Từ tủ pillar 4.1 đến tủ 4.2, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 65m.
- + Từ tủ pillar 4.2 đến tủ 4.3, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 46m.
- + Từ tủ pillar 4.3 đến tủ 4.4, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 80m.
- Lộ xuất tuyến 05: Cáp điện dây N09 phía đường Huỳnh Văn Nghệ khu đô thị Sài Đồng.
- + Lắp đặt mới Tủ pillar 600V-400A: 04 tủ.
- + Từ tủ hạ thế đến tủ Pillar 5.1, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm² dài khoảng 300m.
- + Từ tủ pillar 5.1 đến tủ 5.2, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 42m.
- + Từ tủ pillar 5.2 đến tủ 5.3, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 53m.
- + Từ tủ pillar 5.3 đến tủ 5.4, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 74m.
- + Từ tủ pillar 5.4 đến tủ 3.3, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm² tạo mạch vòng lộ 5 và lộ 3, dài khoảng 130m.

2.5.2. Hạ ngầm tuyến ĐDK hạ áp sau TBA KĐT Sài Đồng 4.

2.5.2.1. Hiện trạng

- Công suất TBA: 1500kVA/22/0,4kV.
- Kiểu trạm: Trạm xây
- Vị trí TBA: TBA đặt trên vỉa hè phố Mạc Thúy Nga trong khu đô thị Sài Đồng.

- Số lộ cáp xuất tuyến hạ thế: 07 lộ (05 lộ cáp ngầm hạ áp Cu-4x240mm² và 02 lộ cáp vắn xoắn hạ áp 4x120mm²). Các lộ sử dụng cáp vắn xoắn hiện trạng đang đi trên vỉa hè phố Mạc Thúy Nga.

2.5.2.2 Phương án cải tạo:

- Lắp đặt mới Tủ pillar 600V-400A: 10 tủ.
- Xây dựng mới 03 lộ xuất tuyến cáp ngầm hạ thế, sử dụng Cáp hạ áp-AL-4x240mm²-giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE, chiều dài khoảng 1110m.
- Xây dựng mới Cáp hạ áp-CU-2x16mm²-giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE từ các tủ Pillar đến các hộ dân (đối với công tơ 1 pha), chiều dài khoảng 303m.
- Xây dựng mới Cáp hạ áp-CU-4x25mm²-giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE từ các tủ Pillar đến các hộ dân (đối với công tơ 3 pha), chiều dài khoảng 202m.
- Thu hồi các vật tư về kho theo quy định.

* Cụ thể:

- Lộ xuất tuyến 01: Cáp điện dây N011B khu đô thị Sài Đồng
- + Lắp đặt mới Tủ pillar 600V-400A: 04 tủ.
- + Từ tủ hạ thế đến tủ Pillar 1.1, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 85m.
- + Từ tủ pillar 1.1 đến tủ 1.2, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 60m.
- + Từ tủ pillar 1.2 đến tủ 1.3, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 46m.
- + Từ tủ pillar 1.3 đến tủ 1.4, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 63m.
- Lộ xuất tuyến 02: Cáp điện dây N011B khu đô thị Sài Đồng
- + Lắp đặt mới Tủ pillar 600V-400A: 03 tủ.
- + Từ tủ hạ thế đến tủ Pillar 2.1, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm² dài khoảng 90m.
- + Từ tủ pillar 2.1 đến tủ 2.2, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 52m.
- + Từ tủ pillar 2.2 đến tủ 2.3, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 83m.
- + Từ tủ pillar 2.3 đến tủ 1.2, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm² tạo mạch vòng lộ 1 và lộ 2, dài khoảng 83m.
- Lộ xuất tuyến 03: Cáp điện dây N011B và dây N09 khu đô thị Sài Đồng
- + Lắp đặt mới Tủ pillar 600V-400A: 03 tủ.
- + Từ tủ hạ thế đến tủ Pillar 3.1, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm² dài khoảng 280m.
- + Từ tủ pillar 3.1 đến tủ 3.2, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 48m.
- + Từ tủ pillar 3.2 đến tủ 3.3, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 50m.
- + Từ tủ pillar 3.3 đến tủ 4.4 lộ 4 TBA KĐT Sài Đồng 3, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm² tạo mạch vòng, dài khoảng 63m.

2.5.3. Hạ ngầm tuyến ĐDK hạ áp sau TBA KĐT Sài Đồng 9.

2.5.3.1. Hiện trạng

- Công suất TBA: 630kVA/22/0,4kV.
- Kiểu trạm: Trạm xây

- Vị trí TBA: TBA đặt trên vỉa hè phía hồ Sài Đồng trong khu đô thị Sài Đồng.
- Số lộ cáp xuất tuyến hạ thế: 04 lộ (03 lộ cáp vặn xoắn hạ áp 4x95mm² và 01 lộ cáp vặn xoắn hạ áp 4x120mm²). Các lộ sử dụng cáp vặn xoắn hiện trạng đang đi trên vỉa hè đường thuộc dãy N05 và N06 KĐT Sài Đồng.

2.5.3.2 Phương án cải tạo:

- Lắp đặt mới Tủ pillar 600V-400A: 20 tủ.
- Xây dựng mới 05 lộ xuất tuyến cáp ngầm hạ thế, sử dụng Cáp hạ áp-AL-4x240mm²-giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE, chiều dài khoảng 1730m.
- Xây dựng mới Cáp hạ áp-CU-2x16mm²-giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE từ các tủ Pillar đến các hộ dân (đối với công tơ 1 pha), chiều dài khoảng 1742m.
- Xây dựng mới Cáp hạ áp-CU-4x25mm²-giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE từ các tủ Pillar đến các hộ dân (đối với công tơ 3 pha), chiều dài khoảng 859m.
- Thu hồi các vật tư về kho theo quy định.

*** Cụ thể:**

- Lộ xuất tuyến 01: Cáp điện cho dãy N06 khu đô thị Sài Đồng phía trường THCS Phúc Đồng.
 - + Lắp đặt mới Tủ pillar 600V-400A: 05 tủ.
 - + Từ tủ hạ thế đến tủ Pillar 1.1, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 75m.
 - + Từ tủ pillar 1.1 đến tủ 1.2, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 17m.
 - + Từ tủ pillar 1.2 đến tủ 1.3, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 57m.
 - + Từ tủ pillar 1.3 đến tủ 1.4, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 48m.
 - + Từ tủ pillar 1.4 đến tủ 1.5, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 78m.
Kết nối mạch vòng với TBA TCC Vĩnh Tuy tại tủ 1.5.
- Lộ xuất tuyến 02: Cáp điện cho nội khu thuộc dãy N06 khu đô thị Sài Đồng.
 - + Lắp đặt mới Tủ pillar 600V-400A: 05 tủ.
 - + Từ tủ hạ thế đến tủ Pillar 2.1, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 125m.
 - + Từ tủ pillar 2.1 đến tủ 2.2, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 62m.
 - + Từ tủ pillar 2.2 đến tủ 2.3, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 20m.
 - + Từ tủ pillar 2.3 đến tủ 2.4, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 40m.
 - + Từ tủ pillar 2.4 đến tủ 2.5, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 10m.
 - + Từ tủ pillar 2.1 đến tủ 1.2, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm² tạo mạch vòng lộ 1 và lộ 2, dài khoảng 50m.
- Lộ xuất tuyến 03: Cáp điện cho Lô G khu đô thị Sài Đồng.
 - + Lắp đặt mới Tủ pillar 600V-400A: 03 tủ.
 - + Từ tủ hạ thế đến tủ Pillar 3.1, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm² dài khoảng 130m.
 - + Từ tủ pillar 3.1 đến tủ 3.2, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 53m.

- + Từ tủ pillar 3.2 đến tủ 3.3, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 125m.
- Lộ xuất tuyến 04: Cấp điện cho nội khu thuộc dãy N05 khu đô thị Sài Đồng.
- + Lắp đặt mới Tủ pillar 600V-400A: 04 tủ.
- + Từ tủ hạ thế đến tủ Pillar 4.1, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 200m.
- + Từ tủ pillar 4.1 đến tủ 4.2, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 42m.
- + Từ tủ pillar 4.2 đến tủ 4.3, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 74m.
- + Từ tủ pillar 4.3 đến tủ 4.4, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 33m.
- Lộ xuất tuyến 05: Cấp điện cho nội khu thuộc dãy N06 phía giáp với lô G khu đô thị Sài Đồng.
- + Lắp đặt mới Tủ pillar 600V-400A: 04 tủ.
- + Từ tủ hạ thế đến tủ Pillar 5.1, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 63m.
- + Từ tủ pillar 5.1 đến tủ 5.2, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 79m.
- + Từ tủ pillar 5.2 đến tủ 5.3, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 27m.
- + Từ tủ pillar 5.2 đến tủ 2.5, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm² tạo mạch vòng lộ 2 và lộ 5, dài khoảng 50m.
- + Từ tủ pillar 5.3 đến tủ 3.2, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm² tạo mạch vòng lộ 3 và lộ 5, dài khoảng 72m.

2.5.4. Hạ ngầm tuyến ĐDK hạ áp sau TBA KĐT Sài Đồng 7.

2.5.3.1. Hiện trạng

- Công suất TBA: 2x1000kVA/22/0,4kV.
- Kiểu trạm: Trạm xây.
- Vị trí TBA: TBA đặt trên vỉa hè ngõ 76 Hoàng Thế Thiện trong khu đô thị Sài Đồng.
- Số lộ cáp xuất tuyến hạ thế: 10 lộ (3 lộ cáp ngầm hạ áp Cu-4x240mm², 01 lộ cáp ngầm hạ áp AL-4x300mm² và 06 lộ cáp vắn xoắn hạ áp AL-4x95mm²). Từ Tủ P6 tại ngõ 80 hoàng thế thiện đến Cột 3 trên phố Hoàng thế thiện đang sử dụng cáp vắn xoắn 4x95mm.

2.5.3.2 Phương án cải tạo:

- Lắp đặt mới Tủ pillar 600V-400A: 02 tủ.
- Xây dựng mới 01 đoạn tuyến cáp ngầm hạ thế, sử dụng Cáp hạ áp-AL-4x240mm²-giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE, chiều dài khoảng 142m.
- Xây dựng mới Cáp hạ áp-CU-4x25mm²-giáp kim loại dải băng kép, cách điện XLPE từ các tủ Pillar đến các hộ dân (đối với công tơ 3 pha), chiều dài khoảng 51m.
- Thu hồi các vật tư về kho theo quy định.

* Cụ thể:

- Đoạn tuyến cấp điện cho phố Hoàng Thế Thiện.
- + Lắp đặt mới Tủ pillar 600V-400A: 02 tủ.
- + Từ tủ pillar 07 đến tủ 08, kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 72m.

- + Từ tủ pillar 08 đến tủ 2.6-HT (tủ đã được đầu tư trong dự án khác), kéo mới Cáp hạ áp-AL-4x240mm², dài khoảng 53m. Kết nối mạch vòng với TBA KĐT Sài Đồng 9 tại tủ 2.6-HT.

5.6. Công tác khảo sát:

Cần tiến hành khảo sát các tuyến cáp ngầm hạ thế xây dựng mới. Cụ thể như sau:

➤ TBA KĐT Sài Đồng 3.

+ Đoạn tuyến cáp ngầm từ tủ hạ thế đến các tủ pillar, cần thiết phải đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1/500 dọc theo tuyến cáp, từ tim tuyến ra mỗi bên 3m; đoạn tuyến này đo vẽ 9 mặt cắt ngang.

+ Thực hiện điều tra, thu thập số liệu các công trình ngầm, nổi trên tuyến.

➤ TBA KĐT Sài Đồng 4.

+ Đoạn tuyến cáp ngầm từ tủ hạ thế đến các tủ pillar, cần thiết phải đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1/500 dọc theo tuyến cáp, từ tim tuyến ra mỗi bên 3m; đoạn tuyến này đo vẽ 3 mặt cắt ngang.

+ Thực hiện điều tra, thu thập số liệu các công trình ngầm, nổi trên tuyến.

➤ TBA KĐT Sài Đồng 9.

+ Đoạn tuyến cáp ngầm từ tủ hạ thế đến các tủ pillar, cần thiết phải đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1/500 dọc theo tuyến cáp, từ tim tuyến ra mỗi bên 3m; đoạn tuyến này đo vẽ 6 mặt cắt ngang.

+ Thực hiện điều tra, thu thập số liệu các công trình ngầm, nổi trên tuyến.

➤ TBA KĐT Sài Đồng 7.

+ Đoạn tuyến cáp ngầm từ tủ hạ thế đến các tủ pillar, cần thiết phải đo vẽ bản đồ tỷ lệ 1/500 dọc theo tuyến cáp, từ tim tuyến ra mỗi bên 3m; đoạn tuyến này đo vẽ 2 mặt cắt ngang.

+ Thực hiện điều tra, thu thập số liệu các công trình ngầm, nổi trên tuyến.

5. Tiến độ thực hiện

Tiến độ thực hiện dự án: **năm 2026**

II. DỰ TOÁN CHI PHÍ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ DỰ ÁN

3. Cơ sở lập dự toán

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
- Nghị định 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công..
- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng Ban hành định mức xây dựng.
- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/08/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương

pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình.

- Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng.
- Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng.
- Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.
- Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30/5/2025 sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng.
- Quyết định số 3461/QĐ-SXD ngày 22/12/2025 của Sở xây dựng Hà Nội về việc công bố giá nhân công xây dựng trên địa bàn TP Hà Nội.
- Văn bản số 05.04/2025/CBGVL-SXD ngày 15/12/2025 của Sở Xây dựng Hà Nội công bố giá một số vật liệu xây dựng quý IV năm 2025.
- Quyết định số 50/QĐ-HĐTV ngày 18/04/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành suất vốn đầu tư xây dựng năm 2022;
- Quyết định số 1100/QĐ-EVN ngày 25/07/2022 của Tập đoàn Điện lực Việt Nam về việc ban hành Bộ quy trình quản lý chất lượng nội bộ Ban QLDA và Bộ quy trình quản lý chất lượng dự án đầu tư xây dựng khối lưới điện phân phối;

5. Thành phần chi phí giai đoạn chuẩn bị dự án

Chi phí tư vấn khảo sát lập BCKTKT, Chi phí lập BCKTKT.

5. Xác định dự toán chi phí giai đoạn CBDA

Dự toán chi phí giai đoạn CBDA được xác định trên cơ sở khái toán chi phí đầu tư của dự án và thành phần chi phí giai đoạn CBDA nêu trên

5. Giá trị dự toán chi phí giai đoạn CBDA: 861,752,818 đồng

Bằng chữ: Tám trăm sáu mươi một triệu, bảy trăm năm mươi hai nghìn, tám trăm mười tám đồng.

(Chi tiết phụ lục kèm theo)

Phụ lục II:**TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ GIAI ĐOẠN CBDA****Dự án: CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN TUYẾN PHỐ KẾT SÀI ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG PHÚC LỢI NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCD 197 UBND TP HÀ NỘI”***(Kèm theo Nhiệm vụ kỹ thuật số /NVKT-BQLDAKN ngày tháng 03 năm 2026)**Đơn vị tính: Đồng*

STT	NỘI DUNG	Cách tính	GIÁ TRỊ TRƯỚC THUẾ	THUẾ GTGT	GIÁ TRỊ SAU THUẾ	DỰ PHÒNG	TỔNG CỘNG	KÝ HIỆU
1	Tư vấn khảo sát	Bảng tính chi tiết	239,710,207.0	19,176,817	258,887,024	12,944,351	271,831,375	Gtvks
2	Tư vấn lập BCKTKT	(Gxd+Gtb) *4,084%	520,212,913	41,617,033	561,829,946	28,091,497	589,921,443	Gtvbcktk
	Tổng cộng		759,923,120	60,793,850	820,716,970	41,035,848	861,752,818	GTV CBDA

Phụ lục III:

TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ**KHẢO SÁT XÂY DỰNG PHỤC VỤ LẬP BCKTKT**

Dự án: CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN TUYẾN PHỐ KĐT SÀI ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG PHÚC LỢI NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI”

(Kèm theo Nhiệm vụ kỹ thuật số /NVKT-BQLDAKN ngày tháng 03 năm 2026)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Nội dung chi phí	Ký hiệu	Cách tính	Giá trị (VNĐ)
I	CHI PHÍ TRỰC TIẾP			
1	Chi phí Vật liệu	VL	A1	5,064,053
	+ Theo giá xây dựng tổng hợp	A1	Bảng giá tổng hợp	5,064,053
2	Chi phí Nhân công	NC	B1	121,824,971
	+ Theo giá xây dựng tổng hợp	B1	Bảng giá tổng hợp	121,824,971
3	Chi phí Máy thi công	M	C1	3,206,548
	+ Theo giá xây dựng tổng hợp	C1	Bảng giá tổng hợp	3,206,548
	Cộng chi phí trực tiếp	T	VL + NC + M	130,095,572
II	CHI PHÍ GIÁN TIẾP			
1	Chi phí chung	C	NC x 70%	85,277,480
	Cộng chi phí gián tiếp	GT	(C + LT + TT)	0
III	THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC	TL	$(T+GT) \times 6\%$	0
IV	CHI PHÍ PHỤC VỤ CÔNG TÁC KHẢO SÁT XD	Cpvks		85,277,480
1	Chi phí lập phương án kỹ thuật khảo sát	Cpa	$(T + GT + TL) \times 2\%$	12,922,383
2	Chi phí lập báo cáo kết quả khảo sát	Cbc	$(T + GT + TL) \times 3\%$	
	Cộng chi phí phục vụ công tác khảo sát		$(Cpa + Cbc)$	4,565,909
	Chi phí khảo sát trước thuế	G	$(T+GT+TL + Cpvks)$	6,848,863
V	THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG	GTGT	$G \times 8\%$	11,414,772
VI	Chi phí khảo sát sau thuế	Gks	$G+GTGT$	239,710,207
VII	Chi phí Dự phòng		$Gks \times 5\%$	19,176,817
	TỔNG CỘNG			258,887,024

PHỤ LỤC IV:**KHỐI LƯỢNG KHẢO SÁT XÂY DỰNG GIAI ĐOẠN BCKTKT**

Dự án: CẢI TẠO LƯỚI ĐIỆN TUYẾN PHỐ KẾT SÀI ĐỒNG TRÊN ĐỊA BÀN PHƯỜNG PHÚC LỢI NĂM 2026 THUỘC KẾ HOẠCH BCĐ 197 UBND TP HÀ NỘI”

STT	Tên công tác	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
	KHẢO SÁT ĐỊA HÌNH			
	Tuyến cáp ngầm 0.4-35kV			
1	Đo vẽ chi tiết bản đồ địa hình trên cạn bằng máy toàn đạc điện tử và máy thủy bình điện tử. Bản đồ tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 0,5m, cấp địa hình IV	ha	1.5540	
2	Số hóa bản đồ địa hình tỷ lệ 1/500, đường đồng mức 0,5m - loại khó khăn 3	ha	1.5540	
3	Đo lưới khống chế mặt bằng. Đường chuyền cấp 2. Bộ thiết bị GPS (3 máy). Cấp địa hình III	điểm	13.0	
4	Đo khống chế cao. Thủy chuẩn kỹ thuật. Cấp địa hình IV	km	2.590	
5	Đo vẽ mặt cắt dọc ở trên cạn. Cấp địa hình IV	100m	25.90	
6	Đo vẽ mặt cắt ngang ở trên cạn. Cấp địa hình IV	100m	4.0	
7	Khoan thủ công trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 10m. Cấp đất đá I -III	m khoan	24.0	
8	Điều tra thu thập số liệu các công trình ngầm, nổi trên tuyến	Công	1.0	
	KHẢO SÁT ĐỊA CHẤT			
1	Khoan thủ công trên cạn. Độ sâu hố khoan từ 0m đến 10m. Cấp đất đá I -III	m khoan	6.0	
	* Thí nghiệm			
2	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối lượng riêng	1 chỉ tiêu	1.0	
3	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu độ ẩm, độ hút ẩm	1 chỉ tiêu	1.0	
4	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu giới hạn dẻo	1 chỉ tiêu	1.0	
5	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu thành phần hạt	1 chỉ tiêu	1.0	
6	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu sức chống cắt trên máy cắt phẳng	1 chỉ tiêu	1.0	
7	Thí nghiệm cơ lý hóa của đất trong phòng thí nghiệm, chỉ tiêu khối thể tích (dung trọng)	1 chỉ tiêu	1.0	
	* Đo điện trở suất			
8	Thăm dò địa vật lý điện bằng phương pháp đo sâu điện đối xứng. Cấp địa hình III-IV	quan sát	1.0	
	KHẢO SÁT ĐIỀU TRA KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN			
1	Khảo sát, điều tra số liệu khí tượng thủy văn	Công	1.0	